

Số: 234/BC-TMN

Thái Thịnh, ngày 07 tháng 10 năm 2024

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Theo thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG MẦM NON THÁI THỊNH

1.2. Địa chỉ trụ sở chính và cổng thông tin điện tử.

- Địa chỉ trụ sở chính Trường mầm non Thái Thịnh: KDC Tổng Buồng,  
Phường Thái Thịnh, thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương.

- Điện thoại: 0979.827.156

- Email: [mnthaitinh2017@gmail.com](mailto:mnthaitinh2017@gmail.com)

- Website: <http://km-mnthaitinh.haiduong.edu.vn>

- Fanpage: Trường Mầm non Thái Thịnh.

1.3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp:

- Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường mầm non công lập

- Cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: UBND thị xã Kinh Môn.

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

**Sứ mạng:** Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân. Phấn đấu tiến tới một ngôi trường hạnh phúc.

**Tầm nhìn:** Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa ở trẻ khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện.

**Mục tiêu:** Ổn định, phát triển, xây dựng đơn vị có uy tín về mọi mặt. Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ

1.5. Quá trình hình thành và phát triển

Trường Mầm non Thái Thịnh được tổ chức hoạt động từ năm 1995 với quy mô 2 nhóm lớp; Năm 2003 trường được Chủ tịch UBND huyện Kinh Môn ra Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 11/12/2003 Quyết định thành lập trường Mầm non bán công Thái Thịnh; Ngày 10/6/2008 trường được đổi tên thành

trường Mầm non Thái Thịnh theo Quyết định số 920/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện Kinh Môn.

Qua 29 năm hình thành và phát triển, tới nay trường đã có tổng số 18 nhóm lớp với trên 400 học sinh. Nhà trường đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 năm 2017 và được công nhận lại đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 năm 2023.

#### **1.6. Thông tin người đại diện pháp luật:**

Họ và tên: Lương Thị Lập

Chức vụ: Bí thư chi bộ, hiệu trưởng nhà trường.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường mầm non Thái Thịnh; KDC Tổng Bằng, phường Thái Thịnh, thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương.

Số điện thoại: 0979.827.156

Địa chỉ thư điện tử: thulaphd@gmail.com

#### **1.7. Tổ chức bộ máy:**

a) Quyết định thành lập trường: Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 10/6/2008 của chủ tịch UBND huyện Kinh Môn về việc thành lập trường Mầm non Thái Thịnh, huyện Kinh Môn.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

Quyết định số 600/QĐ-PGDĐT ngày 05/9/2024 của Phòng GD &ĐT thị xã Kinh Môn về việc kiện toàn Hội đồng trường mầm non Thái Thịnh

Danh sách thành viên hội đồng trường:

<b>TT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ - chức danh chuyên môn</b>	<b>Chức vụ trong Hội đồng trường</b>
1	Lương Thị Lập	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Thị Hảo	Giáo viên – Tổ trưởng tổ chuyên môn 4 - 5 tuổi	Thư ký
3	Trần Văn Huy	Phó chủ tịch UBND Phường Thái Thịnh	Ủy viên
4	Vũ Thị Hậu	Giáo viên – CTCĐ - Tổ trưởng chuyên môn 5 - 6 tuổi	Ủy viên
5	Vũ Thị Thuý	Giáo viên – Tổ trưởng tổ chuyên môn 3 - 4 tuổi	Ủy viên
6	Hoàng Thị Hậu	Giáo viên – Tổ trưởng tổ chuyên môn Nhà trẻ - ND	Ủy viên



7	Vũ Thị Hà	Nhân viên Kế toán	Ủy viên
8	Cao Thị Huệ	Giáo viên - Bí thư chi đoàn trường	Ủy viên
9	Tô Khánh Hà	Trưởng ban đại diện cha mẹ học sinh	Ủy viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng:

Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2024 của UBND thị xã Kinh Môn về việc điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng trường Mầm non Thái Thịnh đối với đ/c Lương Thị Lập

Quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2016 của UBND huyện Kinh Môn về việc điều động, bổ nhiệm Phó hiệu trưởng trường Mầm non Thái Thịnh đối với đ/c Vũ Thị Hồng Vân

Quyết định số 1079/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2024 của UBND thị xã Kinh Môn về việc bổ nhiệm lại chức danh Phó hiệu trưởng trường Mầm non Thái Thịnh đối với đ/c Nguyễn Thị Hương.

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CBQL, NHÂN VIÊN

### 2.1. Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Dưới TC
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	
<b>Tổng số CBQL, GV, NV</b>		<b>46</b>			<b>31</b>	<b>9</b>	<b>1</b>	<b>5</b>
<b>I</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>			<b>3</b>			
1	Hiệu trưởng	1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2			
<b>II</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>36</b>						
1	Nhà trẻ	8			7	1		
2	Mẫu giáo	28			20	8		
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>7</b>			<b>1</b>		<b>1</b>	<b>5</b>
1	Nhân viên kế toán	1			1			
2	Nhân viên văn thư							
3	Thủ quỹ							
4	Nhân viên y tế							
5	Nhân viên nuôi dưỡng	5					1	4
6	Nhân viên Bảo vệ	1						1

7	Nhân viên VSMT							
8	Nhân viên phục vụ							

**2.2. Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp năm học 2023-2024:**

- Số lượng CBQL xếp loại tốt: 3/3 đạt 100%
- Số lượng giáo viên xếp loại tốt: 8/27 đạt 29.6%; Xếp loại khá: 19/27 đạt 70.4%

**2.3. Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định**

- 37/37 CBGV,NV đạt 100% hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo quy định.

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Năm học 2024- 2025	Theo yêu cầu quy định
1	Diện tích khu đất xây dựng	6.860 m <sup>2</sup>	Diện tích: Đảm bảo
	Điểm trường	01	
	Diện tích bình quân cho trẻ	17.15m <sup>2</sup>	
2	<b>Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng</b>		
2.1.	<b>Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ</b>		
	Phòng học (nuôi dạy, chăm sóc trẻ)	18	18
	Phòng vệ sinh	15	18
	Phòng ngủ		
	Phòng khác		
2.2.	<b>Khối phòng phục vụ học tập</b>		
	Thư viện	0	1
	Phòng thể chất	0	1
	Phòng nghệ thuật	0	1
	Phòng đa năng	0	1
2.3.	<b>Phòng tổ chức ăn</b>		
	Nhà bếp	1	1
	Nhà kho	1	1
	Phòng khác	0	
2.4.	<b>Khối phòng hành chính, quản trị</b>		
	Phòng hiệu trưởng	1	1
	Phòng phó hiệu trưởng	1	1
	Văn phòng trường	0	1



	Phòng họp	1	1
	Phòng hành chính quản trị	1	1
	Phòng bảo vệ	1	1
	Phòng y tế	1	1
	Phòng nhân viên	0	1
	Phòng khác	0	1
<b>2.5.</b>	<b>Khối công trình công cộng</b>		
	Nhà xe giáo viên	1	1
	Phòng khác	0	
3	Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có	18	18
4	Số lượng đồ chơi ngoài trời	9	
5	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác		
	- Ti vi	18	
	- Nhạc cụ	0	
	- Máy photo	0	
	- Catsset	0	
	- Đầu video/ đầu đĩa	0	
	- Máy vi tính văn phòng	3	

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

##### 4.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Qua quá trình tiến hành tự đánh giá, nhà trường đạt được các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục như sau:

##### *\*Số lượng và tỷ lệ các tiêu chí đạt:*

STT	TIÊU CHUẨN	TIÊU CHÍ ĐẠT						KẾT LUẬN TIÊU CHUẨN
		Mức 1		Mức 2		Mức 3		
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Tiêu chuẩn 1	10/10	100%	10/10	100%	4/5	80,0%	Đạt mức 3
2	Tiêu chuẩn 2	3/3	100%	3/3	100%	1/3	33,3%	Đạt mức 2
3	Tiêu chuẩn 3	6/6	100%	6/6	100%	3/5	60,0%	Đạt mức 2
4	Tiêu chuẩn 4	2/2	100%	2/2	100%	-	-	Đạt mức 2
5	Tiêu chuẩn 5	4/4	100%	4/4	100%	3/4	75,0%	Đạt mức 3

Đối chiếu với 5 tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số: 19/2018/TT - BGDDT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy

định về kiểm định chất lượng giáo dục, Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 05 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo về công nhận đạt chuẩn quốc gia trường mầm non. Trường mầm non Thái Thịnh tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục: Mức 2.

**4.2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm**

Trường mầm non Thái Thịnh đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 theo Quyết định số 1000/QĐ-SGDĐT ngày 23/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước.

STT	Nội dung	Năm học 2023 - 2024	Dự kiến số HS Năm học 2024 - 2025
1	Tổng số lớp	18	18
2	Tổng số trẻ	448	437
3	Số trẻ bình quân/nhóm(lớp)	24.8	24.2
4	Số trẻ học 2 buổi/ngày	448	437
5	Số trẻ được tổ chức ăn bán trú	448	437
6	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	448	437
7	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi	126	143
8	Số trẻ khuyết tật	0	01

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Số liệu báo cáo	Số đối chiếu, kiểm tra	Chênh lệch
A	B	C	D	1	2
<b>I</b>	<b>Hoạt động hành chính, sự nghiệp</b>				
1	Doanh thu (01=02+03+04)	01	4.135.730.190	4.135.730.190	0
	a. Từ NSNN cấp	02	4.135.730.190	4.135.730.190	0
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	03			
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	04			
2	Chi phí (05=06+07+08)	05	4.436.655.358	4.436.655.358	0
	a. Chi phí hoạt động	06	4.436.655.358	4.436.655.358	0
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	07			



	c. Chi phí hoạt động thu phí	08			
3	Thặng dư/thâm hụt (09=01-05)	09	(300.925.168)	(300.925.168)	0
<b>II</b>	<b>Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ</b>				
1	Doanh thu	10	1.222.642.500	1.222.642.500	0
2	Chi phí	11	300.845.080	300.845.080	0
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	12	921.797.420	921.797.420	0
<b>III</b>	<b>Hoạt động tài chính</b>				
1	Doanh thu	20	400.721	400.721	0
2	Chi phí	21			
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	22	400.721	400.721	0
<b>IV</b>	<b>Hoạt động khác</b>				
1	Thu nhập khác	30	894.616.704	894.616.704	0
2	Chi phí khác	31	894.616.704	894.616.704	0
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	32			
<b>V</b>	<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>40</b>			
<b>VI</b>	<b>Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)</b>	<b>50</b>	<b>621.272.973</b>	<b>621.272.973</b>	
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51			
2	Phân phối cho các quỹ	52	322.843.095	322.843.095	0
3	Kinh phí cải cách tiền lương	53	618.729.788	618.729.788	0

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH CHO HỌC SINH DIỆN  
HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO NĂM HỌC 2023-2024**

ĐVT: đồng

S T T	Tên học sinh	HỌC KỲ I				HỌC KỲ II				Tổng số tiền cả năm học 2023-2024
		Diện hộ nghèo		Diện hộ cận nghèo		Diện hộ nghèo		Diện hộ cận nghèo		
		Số tháng	Số tiền	Số tháng	Số tiền	Số tháng	Số tiền	Số tháng	Số tiền	
1	Phạm Thanh Nhân	4	1.780.000			5	2.225.000			4.005.000
2	Trần Gia Hân			4	270.000			5	337.500	497.500
3	Trần Gia Bảo			4	270.000			5	337.500	497.500
4	Trần Văn Cao							5	337.500	337.500
5	Trần Phương Thảo							5	337.500	337.500

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

### 7.1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ CBQL và giáo viên mầm non

Ban giám hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên

Năm học 2024 - 2025 nhà trường có 05 giáo viên đang học nâng chuẩn lên trình độ đại học. Dự kiến tốt nghiệp năm 2025, 2026.

### 7.2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

### 7.3. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Nhà trường đang thực hiện thí điểm chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục giai đoạn 2022 -2025.

Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung.

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như SSC, IMAS, phần mềm bảo hiểm xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm Media quản lý trang web... Sử dụng phần mềm Mind-Jet trong xây dựng kế hoạch soạn giảng các lứa tuổi được Ban giám hiệu quản lý trên mạng nội bộ của nhà trường.

Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định trên phần mềm ....

Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

Nhà trường định hướng cho giáo viên ứng dụng các ứng dụng như pintersest (website chia sẻ ảnh dưới dạng mạng xã hội); powerpoint (phần mềm trình chiếu để truyền tải thông tin); Articulate Studio (phần mềm biến các



slide thuyết trình powerprint thành bài giảng điện tử)... trong thiết kế và hoạt động giáo dục cho trẻ.

### 7.5. Công tác truyền thông

Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã hội (trang fanpage Mầm non Thái Thịnh, zalo nhóm lớp), thông qua website trường.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Lương Thị Lập**

